

**KẾT QUẢ KIỂM TRA VÀ CÔNG NHẬN BIẾT TIẾNG VIỆT THÀNH THẠO HOẶC SỬ
DỤNG THÀNH THẠO NGÔN NGỮ KHÁC HOẶC ĐỦ TRÌNH ĐỘ PHIÊN DỊCH TRONG
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH**

Ngày thi: 12/9/2026

STT	Họ và tên		Phái	Ngày sinh	Điểm tổng	Kết quả	Ghi chú
Tiếng Anh : Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong khám bệnh, chữa bệnh							
1	KOYAMA	AMI	Nữ	11/07/2000	<u>3.5</u>	Không đạt	
2	KOH	ARA	Nữ	29/11/1982	7.4	Đạt	
3	KIM	BADA	Nam	07/01/1989	5.4	Đạt	
4	SINGHAL	BHARATI	Nữ	12/08/1981	7.5	Đạt	
5	KIM	BONGKYUNG	Nam	04/02/1989	<u>0.0</u>	Không đạt	Vắng
6	SEONG	CHANGYONG	Nam	09/03/1993	7.9	Đạt	
7	LEE	CHANJONG	Nam	10/11/1990	7.8	Đạt	
8	JUNG	CHINKOO	Nam	13/11/1980	7.1	Đạt	
9	DUMLAO	DAFMER PERLAS	Nam	28/02/1977	6.5	Đạt	
10	KANG	DONGJAE	Nam	16/03/1985	7.0	Đạt	
11	JUNG	EUNJAE	Nữ	11/03/1993	7.8	Đạt	
12	KO	HONGJE	Nam	28/11/1989	6.6	Đạt	
13	KIM	HYEMIN	Nữ	09/01/1995	<u>3.5</u>	Không đạt	
14	LEE	HYEONG SEUNG	Nam	19/05/1992	6.4	Đạt	
15	LEE	HYESUN	Nữ	19/07/1970	<u>3.7</u>	Không đạt	
16	LEE	HYOSANG	Nam	10/04/1989	6.9	Đạt	

17	LEE	HYUKJIN	Nam	05/05/1997	7.3	Đạt	
18	LEE	HYUN WOO	Nam	09/02/1981	6.2	Đạt	
19	AHN	JANG HOON	Nam	01/11/1968	6.6	Đạt	
20	LEE	JEONGJIN	Nam	23/01/1987	8.7	Đạt	
21	KIM	JI HYUN	Nữ	21/10/1986	7.5	Đạt	
22	SHIN	JI WON	Nữ	26/03/1988	7.2	Đạt	
23	LEE	JI YEH	Nữ	09/03/1990	7.9	Đạt	
24	HEO	JIHOON	Nam	26/07/1988	6.6	Đạt	
25	CHOI	JINKWON	Nam	11/02/1987	5.9	Đạt	
26	KIM	JINSEO	Nam	16/06/1992	7.9	Đạt	
27	HUH	JISUN	Nữ	06/11/1974	7.1	Đạt	
28	SON	JOON HO	Nam	24/10/1994	8.6	Đạt	
29	JEONG	JOOYONG	Nam	16/06/1987	5.5	Đạt	
30	PARK	JUNG KEUN	Nam	28/04/1973	<u>0.0</u>	Không đạt	Vắng
31	KWON	JUNYEOP	Nam	03/02/1995	7.3	Đạt	
32	JUNG	KIYUN	Nam	02/08/1980	7.2	Đạt	
33	YUN	KYUNG	Nam	01/04/1987	7.6	Đạt	
34	HOSHIMA	MASAKAZU	Nam	13/08/1961	8.4	Đạt	
35	KIM	MIN JU	Nữ	23/11/1987	7.2	Đạt	
36	CHAE	MINHO	Nam	01/01/1973	<u>4.2</u>	Không đạt	
37	KIM	MINSEOK	Nam	15/02/1993	5.7	Đạt	
38	BOCK	MINSUNG	Nam	10/10/1991	8.1	Đạt	



39	KANG	MINWOO	Nam	05/10/1990	6.1	Đạt	
40	ASAI	NOBUHIRO	Nam	04/02/1977	6.7	Đạt	
41	PONG	SANGGEUN	Nam	27/02/1995	6.4	Đạt	
42	YOO	SEUNGWOO	Nam	16/04/1984	7.0	Đạt	
43	KIM	SEUNGWOO	Nam	02/01/1986	5.0	Đạt	
44	KIM	SI YEON	Nữ	14/05/1981	7.6	Đạt	
45	PARK	SIHYUN	Nữ	19/08/1983	6.2	Đạt	
46	KIM	SOOHYEON	Nữ	02/01/1997	6.7	Đạt	
47	KANG	SUN GU	Nam	28/02/1993	7.4	Đạt	
48	JEONG	SUNGROK	Nam	30/03/1982	5.8	Đạt	
49	SUDARIO	VICTOR ESTARIS	Nam	20/12/1971	6.9	Đạt	
50	SIM	WONJIN	Nam	18/06/1987	<u>2.9</u>	Không đạt	
51	HWANG	WOORE	Nam	30/04/1987	<u>3.2</u>	Không đạt	
52	JEONG	YEONCHEOL	Nam	15/04/1991	7.3	Đạt	
53	CHOI	YU NA	Nữ	25/03/1987	<u>0.0</u>	Không đạt	Vắng
54	LEE	YUNHO	Nam	13/11/1998	7.0	Đạt	
55	TRỊNH THỊ THÚY	AN	Nữ	10/11/1995	7.0	Đạt	
56	LÊ VĂN BÌNH	AN	Nam	02/09/1996	6.7	Đạt	
57	NGUYỄN HOÀNG	ANH	Nam	27/03/1992	6.8	Đạt	
58	PHAN TRUNG	ĐÌNH	Nam	04/12/1991	6.8	Đạt	
59	PHAN HÀ PHÚ	ĐỨC	Nam	14/08/1999	8.0	Đạt	
60	BÙI NGỌC MỸ	DUNG	Nữ	24/01/1996	6.8	Đạt	

61	LÊ HUỖNH NGỌC	HÂN	Nữ	27/09/1997	7.1	Đạt	
62	PHẠM THỊ LINH	HƯƠNG	Nữ	26/03/1998	5.0	Đạt	
63	TRẦN ANH	HUY	Nam	01/04/1992	6.4	Đạt	
64	NGÔ THỊ THANH	HUYỀN	Nữ	17/07/1997	6.2	Đạt	
65	BÙI NGỌC GIA	LINH	Nữ	07/04/1999	6.0	Đạt	
66	LÊ THỊ VŨ	MY	Nữ	20/08/1997	6.4	Đạt	
67	ĐẶNG KIM	NGÂN	Nữ	15/11/1996	5.7	Đạt	
68	NGUYỄN HIẾU	NGHĨA	Nam	23/04/1994	7.4	Đạt	
69	HÀ THANH	NGỌC	Nữ	19/10/2001	<u>4.8</u>	Không đạt	
70	TRẦN XUÂN	NHIÊN	Nữ	17/02/1998	5.7	Đạt	
71	TRẦN THÀNH	PHÁT	Nam	15/02/1996	7.4	Đạt	
72	LÊ HOÀNG	PHÚC	Nam	09/11/1996	<u>4.7</u>	Không đạt	
73	HOÀNG BẢO	PHƯƠNG	Nữ	22/01/1999	7.1	Đạt	
74	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	Nữ	10/11/1995	<u>4.6</u>	Không đạt	
75	ĐỖ MINH	QUÂN	Nam	08/02/1996	7.6	Đạt	
76	HOÀNG PHẠM NHẬT	QUANG	Nam	26/01/1991	7.2	Đạt	
77	NGUYỄN NGỌC	TÂN	Nam	29/12/1990	5.1	Đạt	
78	LA	THÀNH	Nam	02/04/1992	6.4	Đạt	
79	TRẦN NGUYỄN THU	THỦY	Nữ	05/10/1984	7.4	Đạt	
80	NGUYỄN PHẠM BẢO	TRÂN	Nữ	02/08/1987	6.4	Đạt	
81	NGUYỄN HỮU	TRÚC	Nam	08/02/1996	7.4	Đạt	
82	HỒ THANH	TRUNG	Nam	22/02/2001	5.5	Đạt	

83	LƯU CẨM TÚ	Nữ	01/11/1995	7.5	Đạt	
84	NGÔ HỒ PHƯƠNG UYÊN	Nữ	05/07/1983	7.3	Đạt	
85	ĐOÀN THẢO UYÊN	Nữ	18/03/1993	6.8	Đạt	
86	PHAN NHẤT VY	Nữ	15/12/1995	6.9	Đạt	

Tiếng Anh : Đủ trình độ phiên dịch tiếng Anh trong khám bệnh, chữa bệnh

1	ĐOÀN TRÂM ANH	Nữ	18/08/2004	7.6	Đạt	
2	TRỊNH ĐĂNG TUẤN DŨNG	Nam	02/07/1999	5.5	Đạt	
3	TRẦN THANH HẢI	Nam	16/08/1997	6.6	Đạt	
4	H ZENNY HMÖK	Nữ	30/11/1990	5.0	Đạt	
5	PHAN LÊ HOÀNG	Nam	11/03/1999	5.6	Đạt	
6	HÀ QUỐC HÙNG	Nam	24/05/1998	7.4	Đạt	
7	HUỲNH NGỌC PHƯƠNG HUỲNH	Nữ	17/09/1988	6.1	Đạt	
8	PHẠM THỊ QUỐC KHÁNH	Nữ	02/09/1999	5.0	Đạt	
9	TRẦN QUANG KHÁNH	Nam	26/08/1987	6.7	Đạt	
10	LÊ THOẠI NGỌC LINH	Nữ	27/04/1987	<u>4.3</u>	Không đạt	
11	MẠC NGUYỄN ĐAN LINH	Nữ	20/10/2000	7.2	Đạt	
12	NGUYỄN MINH LUÂN	Nam	16/05/1991	7.9	Đạt	
13	ĐINH NHẬT MINH	Nữ	11/04/2001	7.6	Đạt	
14	LÊ THÁI ANH MINH	Nam	15/04/2000	6.5	Đạt	
15	TRƯƠNG THÙY NGÀ	Nữ	02/09/1994	<u>4.8</u>	Không đạt	
16	NGUYỄN THỊ THU NGỌC	Nữ	23/09/2004	7.8	Đạt	
17	LƯU DIỆU YẾN NHI	Nữ	21/04/2000	7.9	Đạt	

18	NGUYỄN VÕ XUÂN	NHI	Nữ	05/01/1998	5.9	Đạt	
19	DƯƠNG MINH	QUÂN	Nam	25/04/2001	6.4	Đạt	
20	TRẦN THỊ	QUỲNH	Nữ	07/02/1999	6.9	Đạt	
21	VÕ QUANG	THÀNH	Nam	08/10/1982	6.0	Đạt	
22	LÊ THANH	THỦY	Nữ	17/03/1997	7.2	Đạt	
23	PHAN THỊ THỦY	TIÊN	Nữ	01/06/1999	6.8	Đạt	
24	NGUYỄN THỊ THANH	TRÂM	Nữ	21/07/1999	6.7	Đạt	
25	LÊ THỊ NGỌC	TRANG	Nữ	12/06/2002	<u>4.6</u>	Không đạt	
26	TẠ TUYẾT	VÂN	Nữ	01/01/1995	6.9	Đạt	
27	PHẠM PHÚ	VINH	Nam	26/11/2001	5.0	Đạt	

Tiếng Anh : Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong khám bệnh, chữa bệnh (Xét hồ sơ công nhận)

1	VŨ THỊ KIỀU	ANH	Nữ	21/10/1992	Xét công nhận	Đạt	
2	TRỊNH THÙY	DƯƠNG	Nữ	02/10/1985	Xét công nhận	Đạt	
3	NGUYỄN NHẬT	HUY	Nam	22/01/1997	Xét công nhận	Đạt	
4	NGUYỄN HIỀN BẢO	KHANH	Nam	03/05/1978	Xét công nhận	Không đạt	Vắng
5	NGUYỄN LÊ BẢO	LUÂN	Nam	21/09/1985	Xét công nhận	Không đạt	
6	LÝ THỊ MỸ	NGÂN	Nữ	28/02/1994	Xét công nhận	Đạt	
7	NGUYỄN TRÚC	NGÂN	Nam	22/01/1997	Xét công nhận	Đạt	
8	LÊ TRỌNG VƯƠNG	OANH	Nữ	17/08/1997	Xét công nhận	Đạt	
9	NGUYỄN TRẦN MINH	THẮNG	Nam	30/09/1986	Xét công nhận	Đạt	
10	ĐÀO THỊ CẨM	THÙY	Nữ	23/06/1986	Xét công nhận	Đạt	
11	TRẦN CÔNG	TÍNH	Nam	26/11/1968	Xét công nhận	Đạt	

12	BÙI NGỌC HUYỀN	TRANG	Nữ	04/10/1995	Xét công nhận	Đạt	
13	CÁI HỮU NGỌC THẢO	TRANG	Nữ	25/03/1987	Xét công nhận	Đạt	
14	LÊ THÀNH	TRỰC	Nam	12/01/1990	Xét công nhận	Đạt	

Tiếng Anh : Đủ trình độ phiên dịch tiếng Anh trong khám bệnh, chữa bệnh (Xét hồ sơ công nhận)

1	LÊ TRỌNG VƯƠNG	OANH	Nữ	17/08/1997	Xét công nhận	Không đạt	
2	HOÀNG THỊ KIM	THU	Nữ	02/09/1975	Xét công nhận	Không đạt	
3	CÁI HỮU NGỌC THẢO	TRANG	Nữ	25/03/1987	Xét công nhận	Đạt	

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 21 tháng 09 năm 2026



P. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Nguyễn Anh Tuấn

